

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
19	DH51904407	Phạm Minh	Tài	D19_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
20	DH51904432	Tổng Thành	Tân	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH51904542	Nguyễn Hồng	Thiện	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
22	DH51904546	Hà Tấn	Thịnh	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
23	DH51904548	Lê Hà Đức	Thịnh	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH51904553	Phạm Quốc	Thịnh	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH51904561	Nguyễn Bá	Thoại	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
26	DH51900558	Nguyễn Trung	Tính	D19_TH03	37	11	-	-	-	-	26	-	-	0
27	DH51904727	Lê Hoàng	Trí	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
28	DH51904792	Trần Nhật	Trường	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
29	DH51904802	Nguyễn Võ Ngọc	Tú	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
30	DH51904881	Hoàng Thế	Vĩ	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
31	DH51905574	Trịnh Thế	Xuyên	D19_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1	DH51900204	Nguyễn Trường	An	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2	DH51900808	Đặng Thị Ngọc	ánh	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3	DH51900870	Ngô Mạnh	Cường	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4	DH51903397	Đỗ Đức	Đạt	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	DH51903427	Lương Ngọc Hải	Đặng	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH51903431	Võ Nguyễn Hải	Đặng	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
7	DH51903534	Quan Chương	Hân	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
8	DH51900690	Hồ Công	Hậu	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
9	DH51903669	Nguyễn Quang	Huy	D19_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
10	DH51903684	Tào Quang	Huy	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
11	DH51903784	Trương Vĩnh	Khang	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH51901630	Lê Anh	Kiệt	D19_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
13	DH51900917	Trần Quốc	Lâm	D19_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
14	DH51900743	Nguyễn Kha	Lil	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
15	DH51903876	Đặng Thanh Nhất	Linh	D19_TH04	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
16	DH51903922	Nguyễn Thành	Long	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
17	DH51904003	Trịnh Ngô Tân	Minh	D19_TH04	6	-	-	-	-	-	5	1	-	4
18	DH51901792	Ngô Hoài	Nam	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
19	DH51901785	Ngô Thành	Nhân	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
20	DH51904155	Lê Bảo	Nhi	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
21	DH51904163	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
22	DH51904363	Trần Đoàn Thanh	Sang	D19_TH05	23	21	-	-	-	-	2.5	-	-	0
23	DH51901659	Trần Tấn	Tài	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH51900974	Nguyễn Văn	Tâm	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH51904426	Lâm Ngọc	Tân	D19_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
26	DH51905489	Lê Đoàn	Thái	D19_TH05	20.5	15	-	-	-	-	4.5	1	-	0
27	DH51904519	Ngô Định	Thế	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
28	DH51901818	Trần Minh	Thuận	D19_TH05	25.5	24	-	-	-	-	2	-	-	0
29	DH51903024	Phạm Hữu	Tĩnh	D19_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
30	DH51904680	Đoàn Chí	Tôn	D19_TH05	23.5	23	-	-	-	-	1	-	-	0
31	DH51904741	Trương Hoàng	Triều	D19_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
32	DH51904787	Nguyễn Văn	Trường	D19_TH05	28	28	-	-	-	-	-	-	-	0
33	DH51904880	Võ Thúy	Vi	D19_TH05	19	17	-	-	-	-	2.5	-	-	0
34	DH51901746	Nguyễn Hồ Hoàng	Việt	D19_TH05	28	28	-	-	-	-	-	-	-	0
35	DH51901924	Nguyễn Thành	Vinh	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
36	DH51904910	Nguyễn Thế	Vinh	D19_TH05	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1	DH51902489	Trần Xuân	Bình	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2	DH51903237	Nguyễn Chí	Cang	D19_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3	DH51901975	Trần Minh	Công	D19_TH06	28	28	-	-	-	-	-	-	-	0
4	DH51903295	Lương Tấn	Cường	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5	DH51903383	Nguyễn Đại	Dương	D19_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
6	DH51902719	Lê Hoàng	Đạt	D19_TH06	11	-	1	1	5	3	1	-	-	0
7	DH51902994	Lê Hữu	Đạt	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH51903405	Lê Trần	Đạt	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH51903425	Trịnh Tiến	Đạt	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
10	DH51903464	Nguyễn Đình Trường	Giang	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
11	DH51902227	Nguyễn Long	Hải	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH51902248	Ngô Công	Hiếu	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
13	DH51903595	Thái Trung	Hiếu	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
14	DH51903608	Văn Quốc	Hòa	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
15	DH51903753	Lại Duy	Kha	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH51902734	Trần Hoàng	Khang	D19_TH06	4.5	-	-	-	-	2	2.5	-	-	5.5
17	DH51902142	Văng Quan	Linh	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH51903910	Hà Hoàng	Long	D19_TH06	11	-	3	-	5	2	1	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
13	DH51902901	Mu Sa Sa	Liêm	D19_TH07	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
14	DH51902544	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D19_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
15	DH51902612	Phan Đăng	Linh	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH51902892	Bùi Phi	Long	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
17	DH51902834	Nguyễn Thị Diễm	My	D19_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
18	DH51904129	Nguyễn Thanh	Nhân	D19_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
19	DH51905103	Nguyễn Minh	Nhật	D19_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
20	DH51904174	Hồ Huy	Nhiên	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH51904214	Huỳnh Văn	Phát	D19_TH07	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
22	DH51900069	Ngô Đức	Phát	D19_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
23	DH51902558	Lương Quang	Phú	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH51902386	Hà Trúc	Phương	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH51901884	Võ Hà Vinh	Tân	D19_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
26	DH51902283	Phạm Tấn	Thuận	D19_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
27	DH51904701	Hồ Bảo	Trâm	D19_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
28	DH51902326	Nguyễn Giang Quế	Trân	D19_TH07	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
29	DH51902935	Nguyễn Thanh	Tuấn	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
30	DH51904889	Đỗ Hoàng	Việt	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
31	DH51902549	Phạm Trần Tiến	Việt	D19_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
32	DH51904906	Nguyễn Hải	Vinh	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
33	DH51902450	Trần Thanh	Vinh	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1	DH51902186	Võ Việt	Anh	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2	DH51902381	Võ Huỳnh	Ân	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3	DH51902196	Dương Văn Thiên	Châu	D19_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4	DH51902593	Nguyễn Trung	Dũng	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5	DH51905084	Lâm Trường	Đạt	D19_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
6	DH51903460	Lê Tùng	Em	D19_TH08	15	10	-	-	-	-	5	-	-	0
7	DH51905080	Tô Tín	Hành	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH51902681	Đoàn Đức	Hoàng	D19_TH08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
9	DH51902365	Nguyễn Trang Anh	Huy	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
10	DH51903680	Phan Đức	Huy	D19_TH08	11	-	-	-	-	-	10	1	-	0
11	DH51901985	Vũ Bảo	Long	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH51902106	Nguyễn Hoàng	Long	D19_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
17	DH51903781	Trần Minh	Khang	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH51905431	Nguyễn Trung	Kiên	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
19	DH51900936	Trần Minh	Luân	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
20	DH51904020	Đỗ Thành	Nam	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH51902364	Phạm Văn	Nguyên	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
22	DH51905324	Ngô Tấn	Phát	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
23	DH51904238	Đỗ Ngọc	Phú	D19_TH09	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
24	DH51903057	Nguyễn Anh	Phúc	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH51904466	Trần Văn	Thanh	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
26	DH51905117	Trần Trung	Thành	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
27	DH51901412	Trần Văn Ngọc	Thi	D19_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
28	DH51904658	Huỳnh Nguyễn Trung	Tín	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
29	DH51904677	Nguyễn Hào	Toàn	D19_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
30	DH51905502	Châu Bảo Nhân	Trung	D19_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
31	DH51905376	Huỳnh Lê Mạnh	Trực	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1	DH52000012	Bùi Thị Vân	Anh	D20_TH01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
2	DH52002703	Cung Phương	Anh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3	DH52000029	Nguyễn Văn	Bảo	D20_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4	DH52002179	Trần Gia	Bảo	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	DH52000045	Lê Nguyễn Thành	Công	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52002303	Lê Chí	Cường	D20_TH01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
7	DH52000037	Đỗ Hoàng	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH51902172	Nguyễn Tiến	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52001690	Trần Thị Mỹ	Duyên	D20_TH01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
10	DH52000482	Ngô Thái	Dương	D20_TH01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
11	DH52001063	Nguyễn Lưu Thành	Đạt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH52001986	Tổng Thành	Đạt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
13	DH51901190	Trần Quốc	Đạt	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
14	DH52001712	Trần In	Đoanh	D20_TH01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
15	DH52000880	Mai Nhật	Hào	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
23	DH52001882	Bùi Phong	Phú	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH52002061	Nguyễn Hoàng Ngọc	Phú	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH52001860	Phan Hoàng	Phúc	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
26	DH52003255	Lê Triệu Thanh	Phương	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
27	DH52000281	Lư Kiều Minh	Quân	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
28	DH52002287	Mai Anh	Quân	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
29	DH52003521	Huỳnh Minh	Quy	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
30	DH52001024	Nguyễn Duy	Sơn	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
31	DH52003364	Nguyễn Trình Duy	Tân	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
32	DH52001726	Huỳnh Ngọc	Thắm	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
33	DH52002390	Nguyễn Hoàng Xuân	Thiện	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
34	DH52001630	Nguyễn Ngọc	Thiện	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
35	DH52002062	Phan Thanh	Thúy	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
36	DH52003694	Nguyễn Hoàng	Tiến	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
37	DH52002032	Phạm Ngọc Quế	Trâm	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
38	DH52001832	Tiêu Quang	Trường	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
39	DH52003232	Ngô Xuân	Tuy	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
40	DH52001340	Phạm Trọng	Việt	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
41	DH52002202	Nguyễn Tuấn	Vũ	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
42	DH52002063	Lê Trần Thúy	Vy	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1	DH52003201	Ngô Hoài	An	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2	DH52003458	Mai Xuân	Anh	D20_TH03	43	14	-	-	-	-	29	-	-	0
3	DH52002912	Nguyễn Thị Linh	Chi	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4	DH52001339	Dương Lê Thành	Danh	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5	DH52002862	Lê Văn	Đạt	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
6	DH52001330	Phạm Ngọc	Đông	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
7	DH52002772	Phạm Phú	Đức	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
8	DH52001467	Nguyễn Hữu	Giàu	D20_TH03	16	16	-	-	-	-	-	-	-	0
9	DH52003489	Nguyễn Thanh	Hải	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
10	DH52001332	Trang Thanh	Hải	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
11	DH52000812	Lâm Anh	Hòa	D20_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
12	DH52000756	Đỗ Quốc	Huy	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
13	DH52002714	Lưu Quốc	Huy	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
14	DH52003771	Nguyễn Lê	Huy	D20_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
						1	2	3	4	5	6	7	8		
2	DH52001633	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3	DH52003496	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	D20_TH05	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	-	7.5
4	DH52003543	Nguyễn Công	Chi	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5	DH52003743	Phạm Văn Thành	Đạt	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52000171	Huỳnh Công	Đức	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
7	DH52003741	Lý Gia	Hân	D20_TH05	17	-	-	-	7	-	10	-	-	-	0
8	DH52001243	Lưu Văn	Hiếu	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52003962	Nguyễn Trần Hồ	Hiếu	D20_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
10	DH52003580	Võ Trọng	Hiếu	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
11	DH52002358	Vương Tiến	Hùng	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH52001205	Phạm Hoàng Quốc	Huy	D20_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
13	DH52003378	Nguyễn Danh	Hưng	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
14	DH52003788	Trần Quốc	Khánh	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
15	DH52001240	Trần Bảo	Khoa	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH52003835	Trần Đình	Khoa	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
17	DH52003322	Võ Đăng	Khoa	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH52003889	Phạm Hồng Nhật	Nam	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
19	DH52003905	Huỳnh Ngọc	Ngân	D20_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
20	DH52003552	Nguyễn Trung	Nghĩa	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH52004281	Nguyễn Đức	Nguyên	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
22	DH52001241	Lê Đỗ Thành	Nhân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
23	DH52003830	Lê Thành	Nhân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH52003648	Trần Thiện	Phúc	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH52003862	Trần Hữu	Quang	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
26	DH52003593	Vũ Anh	Quân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
27	DH52003760	Phan Thị Thu	Thảo	D20_TH05	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	-	4.5
28	DH52003869	Nguyễn Huỳnh	Thoại	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
29	DH52003968	Lý Quốc	Thông	D20_TH05	29.5	25	-	-	-	-	4.5	-	-	-	0
30	DH52003600	Trần Nhật	Tiến	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
31	DH52003933	Phạm Thị Thùy	Trang	D20_TH05	17.5	-	-	-	-	-	18	-	-	-	0
32	DH52003798	Võ Ngọc Phương	Trinh	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
33	DH52003749	Nguyễn Phạm Gia	Vi	D20_TH05	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	-	7.5
34	DH52000747	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
35	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc	Việt	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1	DH52005663	Huỳnh Hoàng	An	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2	DH52005670	Lê Hoàng	Anh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3	DH52003384	Trần Thế Quốc	Bảo	D20_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4	DH52005747	Đào Thành	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5	DH52004120	Hỷ Văn	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52004278	Lê Thành	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
7	DH52004553	Nguyễn An	Đình	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH52005776	Nguyễn Thanh	Hải	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52004258	Võ Nhật	Hào	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
10	DH52007219	Tạ Lê Trung	Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
11	DH52004098	Trần Minh	Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH52004215	Võ Thanh	Hoàng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
13	DH52004471	Nguyễn Hoàng	Huân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
14	DH52004986	Diệp Bảo	Khánh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
15	DH52004277	Phạm Tuấn	Kiệt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH52004347	Nguyễn Duy	Lâm	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
17	DH52004038	Đào Chiêu	Linh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH52004280	Mai Ngọc Phương	Linh	D20_TH06	47.5	28	-	-	-	-	20	-	-	0
19	DH52004034	Trương Thiện	Nhân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
20	DH52004128	Nguyễn Bảo Tuyết	Như	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH52001512	Phạm Minh	Phú	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
22	DH52004125	Trần Hoàng	Phúc	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
23	DH52004126	Vũ Đức	Phúc	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH52004127	Vũ Ngọc	Quảng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH52004336	Mai Hoàng	Quý	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
26	DH52001514	Phạm Minh	Quý	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
27	DH52004334	Lê Văn	Thái	D20_TH06	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
28	DH52004272	Lưu Thị Thanh	Thảo	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
29	DH52004121	Phạm Trung	Thắng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
30	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
31	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
32	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
33	DH52004106	Châu Gia	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
34	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
35	DH52007324	Phạm Tiến	Trưởng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
36	DH52004042	Trần Trương Thái	Tuấn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
37	DH52004325	Huỳnh Nhật	Viên	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
38	DH52004141	Nguyễn Hữu	Vinh	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
39	DH52004136	Lê Thái Anh	Vũ	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
40	DH52004312	Nguyễn Trần Lâm	Vũ	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2	DH52004683	Phan Thành	Đạt	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3	DH52004750	Lê Tấn	Được	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4	DH52004819	Lý Thế	Hào	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
5	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
6	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
7	DH52004745	Nguyễn Văn	Hoan	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH52004778	Đặng Nguyễn Huy	Hoàng	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
9	DH52004569	Nguyễn Tăng Tuấn	Hùng	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
10	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
11	DH52004915	Dương Quang	Khải	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
13	DH52004596	Võ Lê	Khang	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
14	DH52004741	Lê Duy	Khánh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
15	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH52005922	Trương Thành	Lập	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
17	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
18	DH52005933	Kim Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
19	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
20	DH52004657	Võ Duy	Minh	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
21	DH52004183	Võ Hoàng	Nam	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
22	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
23	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
24	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyễn	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
22	DH52004932	Nguyễn Phước	Lộc	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
23	DH52004044	Vũ Nhật	Minh	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH52006010	Biện Hồng	Phát	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH52006015	Trần Trọng	Phát	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
26	DH52006020	Võ Hoàng	Phi	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
27	DH52005031	Chu Bình	Phong	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
28	DH52006034	Trần Bá	Phúc	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
29	DH52006036	Nguyễn Hữu	Phụng	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
30	DH52006041	Đào Đức	Quang	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
31	DH52006042	Lê	Quang	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
32	DH52004838	Võ Hồng	Quang	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
33	DH52006049	Nguyễn Hoàng	Quân	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
34	DH52006061	Trương Hoàng	Quốc	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
35	DH52006075	Nguyễn Văn	Sinh	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
36	DH52006087	Lê Đức Anh	Tài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
37	DH52006090	Nguyễn Thành	Tài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
38	DH52006102	Phan Thanh	Tân	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
39	DH52005059	Lê Trường	Thanh	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
40	DH52007366	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
41	DH52000110	Võ Văn	Tiến	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
42	DH52006230	Võ Thành	Trung	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
43	DH52005051	Đặng Trung	Trực	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
44	DH52006131	Hà Xuân	Tú	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1	DH52005166	Nguyễn Tuấn	Anh	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2	DH52005677	Võ Chu Quốc	Anh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
3	DH52005684	Lê Khánh	Bảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4	DH52005690	Trần Nguyễn Gia	Bảo	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	DH52005704	Huỳnh Ngọc Kim	Chi	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
6	DH52005705	Lư Thừa	Chí	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
7	DH52005696	Dương Tăng	Cường	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH52005698	Lê Đình	Cường	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
9	DH52005068	Nguyễn Thanh	Danh	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
10	DH52005714	Nguyễn Anh	Dũng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
11	DH52005731	Trần Lê Minh	Duy	D20_TH09	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
12	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
13	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam Dương	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
14	DH52005738	Hồ Khánh Dương	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
15	DH52005745	Cao Tiến Đạt	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH52005049	Đặng Ngọc Giàu	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
17	DH52005778	Trần Đức Hải	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
18	DH52005800	Phạm Thị Diệu Hiền	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
19	DH52005804	Mai Chí Hiệp	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
20	DH52004983	Nguyễn Minh Hiếu	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
21	DH52005810	Nguyễn Phi Hiếu	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
22	DH52005822	Huỳnh Kim Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
23	DH52005824	Lê Văn Hoàng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH52005825	Mai Việt Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
25	DH52005827	Nguyễn Văn Hoàng	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
26	DH52006575	Lâm Tuấn Khoa	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
27	DH52005904	Nguyễn Đăng Khoa	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
28	DH52005923	Phạm Võ Hiếu Lễ	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
29	DH52005055	Nguyễn Phú Minh Minh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
30	DH52005955	Võ Việt Mỹ	D20_TH09	36	28	-	-	-	-	8	-	-	0
31	DH52005030	Lê Thanh Nam	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
32	DH52005383	Đặng Thị Kim Ngân	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
33	DH52005977	Nguyễn Ngọc Nghĩa	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
34	DH52006017	Nguyễn Ngọc Phi	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
35	DH52006058	Dương Trung Quốc	D20_TH09	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
36	DH52006097	Văn Bảo Tâm	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
37	DH52006105	Võ Đặng Phúc Tấn	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
38	DH52006159	Võ Đức Thanh	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
39	DH52007181	Châu Thị Thu Thảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
40	DH52006169	Lê Chí Thắng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
41	DH52006178	Trần Ngọc Thế	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
42	DH52006111	Phan Đức Tiến	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
43	DH52006116	Vũ Minh Tiến	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
44	DH52006119	Nguyễn Chí Tín	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
45	DH52006213	Đặng Ngọc Bảo Trân	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
46	DH52006221	Ngô Đình Triều	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
47	DH52006228	Nguyễn Thành Trung	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
48	DH52006236	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
49	DH52006237	Nguyễn Trần Vân Uyên	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
16	DH52105790	Đặng Minh	Hải	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
17	DH52103781	Nguyễn Nhật	Hào	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
18	DH52105684	Lê Văn Hoàng	Hiệp	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
19	DH52100311	Đặng Ngọc	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
20	DH52106128	Đỗ Trung	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH52101717	Lê Minh	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
22	DH52106504	Phan Chí	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
23	DH52103541	Nguyễn Huy	Hoàng	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
24	DH52107394	Nguyễn Thái	Học	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH52101979	Phạm Thị ánh	Hồng	D21_TH02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
26	DH52101465	Quách Thái	Hùng	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
27	DH52100849	Lý Ngọc Gia	Huy	D21_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
28	DH52104799	Dương Hoàng	Khang	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
29	DH52104569	Nguyễn Trọng	Khiêm	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
30	DH52104108	Nguyễn Đăng	Khoa	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
31	DH52101267	Lưu Ngọc	Lan	D21_TH02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
32	DH52100180	Lý Kim	Long	D21_TH02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
33	DH52101402	Nguyễn Văn Hoàng Long		D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
34	DH52100937	Nguyễn Xuân	Long	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
35	DH52107387	Võ Bá	Lộc	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
36	DH52104938	Nguyễn Vũ	Luân	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
37	DH52107382	Trương Hồng	Luân	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
38	DH52100465	Nguyễn Ngọc	Minh	D21_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
39	DH52106526	Nguyễn Tấn	Mỹ	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
40	DH52101466	Nguyễn Hoài	Nam	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
41	DH52106256	Lê Thanh	Nguyên	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
42	DH52101695	Nguyễn Thị Khả	Nhi	D21_TH02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
43	DH52107512	Võ Thị Hồng	Nhi	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
44	DH52101137	Nguyễn Quỳnh	Như	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
45	DH52105864	Mô Ham Mách A Ra	Pát	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
46	DH52101914	Huỳnh Tấn	Phát	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
47	DH52106065	Nguyễn Thành	Phó	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
48	DH52106284	Châu Vĩnh	Phong	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
39	DH52108875	Nguyễn Bảo	Khiêm	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
40	DH52100713	Lê Anh	Khôi	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
41	DH52103218	Hồ Trần Duy	Lâm	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
42	DH52108990	Nguyễn Hồ Bảo	Long	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
43	DH52103590	Ngô Phước	Lộc	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
44	DH52108957	Nguyễn Dương	Luân	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
45	DH52111272	Nguyễn Lê Hoàng	Luân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
46	DH52109074	Nguyễn Hoàng	Minh	D21_TH07	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
47	DH52111321	Trần Hoàng	Minh	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
48	DH52109132	Đào Trọng	Nhân	D21_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
49	DH52100989	Lê Phước Vĩnh Chíminh	Nhật	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
50	DH52109082	Nguyễn Thành Công	Nhịn	D21_TH07	39.5	28	-	-	-	-	11	1	-	0
51	DH52109230	Trần Phạm Thanh	Phong	D21_TH07	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
52	DH52109270	Phùng Kiến	Phước	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
53	DH52111578	Nguyễn Thị Thu	Phương	D21_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
54	DH52108750	Phan Thế	Quang	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
55	DH52100006	Diệp Nguyễn Anh	Quân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
56	DH52104425	Nguyễn Anh	Quốc	D21_TH07	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
57	DH52109172	Nguyễn Thành	Sang	D21_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
58	DH52100199	Nguyễn Minh	Tân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
59	DH52108385	Nguyễn Đoàn Việt	Thành	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
60	DH52109129	Phạm Thành	Thị	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
61	DH52111843	Bùi Hữu	Thuận	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
62	DH52107545	Võ Minh	Thuận	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
63	DH52111911	Phạm Vũ Quỳnh	Trang	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
64	DH52108947	Trần Nguyễn Minh	Triều	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
65	DH52106342	Trần Thị Ngọc	Tuyền	D21_TH07	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
66	DH52104708	Huỳnh Văn	Tư	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
67	DH52109137	Nguyễn Duy	Viễn	D21_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
68	DH52112108	Phan Thanh	Vũ	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
69	DH52103676	Dương Yên	Vy	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1	DH52110528	Huỳnh Trường	An	D21_TH08	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
5	DH52110805	Nguyễn ái Thiêm	Định	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52110814	Cao Lập	Đức	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
7	DH52110821	Nguyễn Chí	Đức	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
8	DH52110875	Phan Nhật	Hào	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52113799	Bùi Bá	Hiệp	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
10	DH52110889	Dương Minh	Hiệp	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
11	DH52110937	Nguyễn Thiện	Hòa	D21_TH09	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
12	DH52110995	Đỗ Quang	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
13	DH52111010	Nguyễn Đức	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
14	DH52111030	Nguyễn Quốc	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
15	DH52111043	Tô Đan	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH52111052	Võ Nguyễn Nhật	Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
17	DH52111076	Phan Văn	Kha	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
18	DH52111080	Lý Hữu	Khải	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
19	DH52111083	Trần Mai Huy	Khải	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
20	DH52111102	Nguyễn Hồ Nhật	Khang	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH52111122	Tổng Phước Gia	Khánh	D21_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
22	DH52111146	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
23	DH52111163	Nguyễn Hữu	Kiên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
24	DH52111198	Tô Thanh	Lâm	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
25	DH52111227	Huỳnh Nguyễn Nhật	Long	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
26	DH52111246	Võ Thanh Trường	Long	D21_TH09	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
27	DH52111255	Phan Tấn	Lộc	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
28	DH52111279	Khuất Quang	Lực	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
29	DH52111298	Dương Văn	Minh	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
30	DH52111314	Phan Khánh	Minh	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
31	DH52111357	Đặng Minh	Nghĩa	D21_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
32	DH52111363	Nguyễn Đặng Trung	Nghĩa	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
33	DH52111379	Đặng Nhật	Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
34	DH52111391	Tổng Ngọc	Nguyên	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
35	DH52100776	Vũ Trung	Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
36	DH52111432	Thạch Thị Tuyết	Nhi	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
29	DH52113167	Huỳnh Thanh	Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
30	DH52111034	Nguyễn Văn	Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
31	DH52111036	Nguyễn Xuân	Huy	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
32	DH52111049	Trịnh Gia	Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
33	DH52111063	Nguyễn Mạnh	Hưng	D21_TH11	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
34	DH52111067	Trần Minh	Hưng	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
35	DH52111119	Phan Thế	Khánh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
36	DH52111124	Vũ Nguyên	Khánh	D21_TH11	28.5	28	-	-	-	-	0.5	-	-	0
37	DH52111142	Nguyễn Huỳnh Thanh	Khoa	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
38	DH52111178	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
39	DH52111201	Phạm Quốc	Lân	D21_TH11	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
40	DH52111212	Nguyễn Hoàng	Linh	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
41	DH52111254	Nguyễn Vũ Minh	Lộc	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
42	DH52113537	Lại Hồng	Mẫn	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
43	DH52111320	Triệu Quang	Minh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
44	DH52112851	Bùi Minh	Nghĩa	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
45	DH52113344	Lê Yên	Nhi	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
46	DH52111458	Lê Hoàng	Pha	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
47	DH52113784	Nguyễn Thanh	Phong	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
48	DH52112944	Lê Đoàn Anh	Quân	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
49	DH52113301	Phùng Thiên	Tài	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
50	DH52111801	Trần Đức	Thiều	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
51	DH52111808	Nguyễn An	Thịnh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
52	DH52111854	Võ Minh	Thuận	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
53	DH52111907	Phạm Hoàng	Toàn	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
54	DH52111975	Ngô Quang	Trường	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
55	DH52113023	Nguyễn Minh	Trường	D21_TH11	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
56	DH52111982	Trần Anh	Trường	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
57	DH52111985	Bùi Anh	Trường	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
58	DH52113150	Trần Ngọc	Tú	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
62	DH52112035	Lê Trung	Tuyển	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
63	DH52112069	Nguyễn Văn	Việt	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
64	DH52112077	Ngô Quốc	Vinh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
65	DH52112094	Truong Xuong	Võ	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
66	DH52112118	Trần Hoàng	Vương	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
67	DH52112135	Trần Thị Bảo	Yến	D21_TH13	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1	DH52110526	Châu Nguyễn Trường	An	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2	DH52110535	Nguyễn Quốc	An	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
3	DH52110565	Nguyễn Nhật	Anh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4	DH52110574	Vũ Đức	Anh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5	DH52110614	Võ Chí	Bảo	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH52110662	Phạm Phú	Cường	D21_TH14	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
7	DH52110679	Nguyễn Thị Công	Dung	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
8	DH52113016	Huỳnh Quốc	Duy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
9	DH52110709	Nguyễn Minh	Duy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
10	DH52110718	Phạm Võ Đình	Duy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
11	DH52110742	Nguyễn Quốc	Đại	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
12	DH52110746	Trần Văn	Đan	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
13	DH52110800	Nguyễn Võ Hoàng Hải	Đặng	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
14	DH52110802	Trần Ngọc	Điện	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
15	DH52113438	Nguyễn Hoàng Trí	Đức	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH52110860	Thái Doãn Minh	Hải	D21_TH14	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
17	DH52110890	Hoàng Lưu Tuấn	Hiệp	D21_TH14	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
18	DH52110908	Lưu Trọng	Hiếu	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
19	DH52110958	Nguyễn Huy	Hoàng	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
20	DH52110982	Lê Mạnh	Hùng	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
21	DH52112800	Đình Tuấn	Huy	D21_TH14	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
22	DH52111027	Nguyễn Quốc	Huy	D21_TH14	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
23	DH52111056	Nguyễn Diễm	Huỳnh	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
53	DH52112009	Nguyễn Văn	Tuấn	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
54	DH52112016	Trịnh Anh	Tuấn	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
55	DH52112047	Hoàng Đức	Uy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
56	DH52113755	Đông Thị Tường	Vi	D21_TH14	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
57	DH52112079	Nguyễn Đình	Vinh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
58	DH52112089	Trần Hoàng	Vinh	D21_TH14	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
59	DH52112101	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
60	DH52112105	Nguyễn Quang	Vũ	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
61	DH52112122	Nguyễn Thị Yên	Vy	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

Tổng số SV: **1682**

Đã hoàn thành: **87**

Chưa hoàn thành: **1595**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
8. Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Người lập bảng

Đã ký

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022

Phụ trách Phòng Công tác Sinh viên

Đã ký

ThS. Lê Thị Phương Hằng